**Mẫu số 01/IB-DN/2020/00**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN DOANH NGHIỆP**

APPLICATION FOR BUSINESS INTERNET BANKING SERVICE

Kính gửi: NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB) - Chi nhánh:……..

*TO: VIETNAM INTERNATIONAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK - BRANCH:……..*

|  |
| --- |
| **CÀI ĐẶT CHO DOANH NGHIỆP/ *COMPANY SET UP*** |

Tên Doanh nghiệp/ *Company Name*:

Mã khách hàng/ *Cif:*

Địa chỉ liên hệ/ *Address:*

MST/ *Tax code:*

Điện thoại/ *Telephone:* Fax:

Giấy xác nhận thành lập doanh nghiệp/ *Incorporation Certificate:*

🗖 Giấy đăng ký kinh doanh/ *Business Registration Certificate*

🗖 Quyết định thành lập/ *Establishment Dicision*

 Khác (ghi rõ)/ *Other (specify):*

Số/ *No:* Ngày cấp/*Issued date*: Nơi cấp/ *Place:*

Người đại diện giao dịch/ *Representative:*

Chức vụ/ *Position:*

Chứng minh thư số*/ ID/Passport No*: Ngày cấp/ *Issued date:...../...../.....*Nơi cấp/ *Place:*

Gói dịch vụ/ *Service package:*

🗖 Gói truy vấn/ *Enquiry service*

🗖 Dịch vụ tài chính*/ Financial service*

Bảng sao kê/ *Bank statement:*

🗖 Bảng sao kê điện tử/ *E-Statements*

🗖 Bảng sao kê giấy/ *Paper statements*

🗖 Cả hai loại/ *Both E-statements and Paper statements*

Tài khoản thanh toán phí dịch vụ/ *Service charge account:*

*(Tất cả các phí dịch vụ phát sinh khi sử dụng Ngân hàng trực tuyến Doanh nghiệp sẽ được tính vào tài khoản này/ All service charges related to bussiness Internet Banking will be debited from this account)*

|  |
| --- |
| **Tài khoản đăng ký sử dụng trên Ngân hàng trực tuyến/*****Accounts to be operated through internet banking*** |
| **Số tài khoản/*****Account number*** | **Loại tiền/****CCY** | **Hạn mức giao dịch ngày của Tài khoản\*/ *Maximum daily Limit \**** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

*(\* Nếu để trống, hạn mức giao dịch ngày của Tài khoản Doanh nghiệp sẽ được mặc định là số dư khả dụng của tài khoản/ \*Maximum daily limit will be set default as an outstanding balance if blank)*

Tự động kết nối với các tài khoản được mở thêm sau này với Ngân hàng trực tuyến*/ Automatically link all accounts opened in the future to Internet Banking:*

🗖 Có/ *Yes* 🗖 Không/ *No*

|  |
| --- |
| **CÀI ĐẶT ERP-LINK/ *SET UP ERP-LINK*** |

Tên phần mềm ERP/ *ERP name:*

Tên đăng nhập được tạo lệnh qua ERP-link[[1]](#footnote-1)/ *Authorized users to make payments through ERP-link:*

Tên đăng nhập 1/ *User name 1:*

Tên đăng nhập 2/ *User name 2:*

Tên đăng nhập 3/ *User name 3:*

Tên đăng nhập được upload public key/ *Authorized users to upload public key:*

Tên đăng nhập 1/ *User name 1* :

Tên đăng nhập 2/ *User name 2:*

Tên đăng nhập 3/ User name 3:

Đăng ký dịch vụ/ *Services to be used:*

🗖Tạo lệnh qua ERP-link/ *Create via ERP-link*

🗖Nhận báo cáo qua ERP-link/ *Receive statement via ERP-link*

Đầu mối kỹ thuật liên hệ (Tên và số điện thoại)/ *Technical contact point (name and phone number):*

|  |
| --- |
| **CÀI ĐẶT NGƯỜI SỬ DỤNG/ *USER SET UP*** |

**(I) BẢNG DANH SÁCH NGƯỜI SỬ DỤNG/*LIST OF USERS[[2]](#footnote-2)***

Để đăng ký nhiều người sử dụng hơn, vui lòng đính kèm danh sách sau/ *For more number of users, please attach a separate list using the same format as below table:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người sử dụng thứ nhất/ User 1** | **Người sử dụng thứ hai/ User 2** |
| Tên đăng nhập/ *User name: ..................................*Vai trò người dùng/ *Role:.*

|  |  |
| --- | --- |
| 🗖 Xem/ *Viewer* | 🗖 Kiểm tra/ *Verifier* |
| 🗖 Nhập*/ Inputer* | 🗖 Duyệt/ *Authoriser* |

Nhóm phê duyệt (\*\*)/*Authorization Group (\*\*):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗖 Nhóm 1/ *Group 1* | 🗖 Nhóm 2*Group 2* | 🗖 Nhóm 3*Group 3* |

🗖 Đăng ký Phương thức xác thực/ *Authentication method Registration* 🗖 VIB Smart OTP Phương thức nhận mã kích hoạt / *Receive activation code via* 🗖 SMS 🗖 Email 🗖 Token keyHọ và tên/ *Full name:......................................................* Địa chỉ/ *Address: ..............................................................*Di động/ *Mobile:...............................................................*Email:.....................................................................................Ngày sinh/ *Birth day:.......................................................*Quốc tịch*/ Nationality:...................................................*CMND/ Hộ chiếu/ *ID/ Passport No:.............................*Ngày cấp*/ Issued date:....................................................*Nơi cấp*/ Place:...................................................................*Chức vụ/ *Position:............................................................*Giới tính/ *Gender:* 🗖 Nam/ *Male* 🗖 Nữ/ *Female* | Tên đăng nhập/ *User name: ..................................*Vai trò người dùng/ *Role:.*

|  |  |
| --- | --- |
| 🗖 Xem/ *Viewer* | 🗖 Kiểm tra/ *Verifier* |
| 🗖 Nhập*/ Inputer* | 🗖 Duyệt/ *Authoriser* |

Nhóm phê duyệt (\*\*)/*Authorization Group (\*\*):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗖 Nhóm 1/ *Group 1* | 🗖 Nhóm 2*Group 2* | 🗖 Nhóm 3*Group 3* |

🗖 Đăng ký Phương thức xác thực/ *Authentication method Registration* 🗖 VIB Smart OTP Phương thức nhận mã kích hoạt / *Receive activation code via* 🗖 SMS 🗖 Email 🗖 Token keyHọ và tên/ *Full name:......................................................*Địa chỉ/ *Address: ..............................................................*Di động/ *Mobile:...............................................................*Email:.....................................................................................Ngày sinh/ *Birth day:.......................................................*Quốc tịch*/ Nationality:....................................................*CMND/ Hộ chiếu/ *ID/ Passport No:..............................*Ngày cấp*/ Issued date:.....................................................*Nơi cấp*/ Place:...................................................................*Chức vụ/ *Position:.............................................................*Giới tính/ *Gender:* 🗖 Nam/ *Male* 🗖 Nữ/ *Female* |
| **Chữ ký/ Signature** | **Chữ ký/ Signature** |
| **Người sử dụng thứ ba/ User 3** | **Người sử dụng thứ tư/ User 4** |
| Tên đăng nhập/ *User name: ..................................*Vai trò người dùng/ *Role:.*

|  |  |
| --- | --- |
| 🗖 Xem/ *Viewer* | 🗖 Kiểm tra/ *Verifier* |
| 🗖 Nhập*/ Inputer* | 🗖 Duyệt/ *Authoriser* |

Nhóm phê duyệt (\*\*)/*Authorization Group (\*\*):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗖 Nhóm 1/ *Group 1* | 🗖 Nhóm 2*Group 2* | 🗖 Nhóm 3*Group 3* |

🗖 Đăng ký Phương thức xác thực/ *Authentication method Registration* 🗖 VIB Smart OTP Phương thức nhận mã kích hoạt / *Receive activation code via* 🗖 SMS 🗖 Email 🗖 Token keyHọ và tên/ *Full name:.....................................................*Địa chỉ/ *Address: ............................................................*Di động/ *Mobile:.............................................................*Email:....................................................................................Ngày sinh/ *Birth day:......................................................*Quốc tịch*/ Nationality:...................................................*CMND/ Hộ chiếu/ *ID/ Passport No:.............................*Ngày cấp*/ Issued date:....................................................*Nơi cấp*/ Place:...................................................................*Chức vụ/ *Position:............................................................*Giới tính/ *Gender:* 🗖 Nam/ *Male* 🗖 Nữ/ *Female* | Tên đăng nhập/ *User name: ..................................*Vai trò người dùng/ *Role:.*

|  |  |
| --- | --- |
| 🗖 Xem/ *Viewer* | 🗖 Kiểm tra/ *Verifier* |
| 🗖 Nhập*/ Inputer* | 🗖 Duyệt/ *Authoriser* |

Nhóm phê duyệt (\*\*)/*Authorization Group (\*\*):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗖 Nhóm 1/ *Group 1* | 🗖 Nhóm 2*Group 2* | 🗖 Nhóm 3*Group 3* |

🗖 Đăng ký Phương thức xác thực/ *Authentication method Registration* 🗖 VIB Smart OTP Phương thức nhận mã kích hoạt / *Receive activation code via* 🗖 SMS 🗖 Email 🗖 Token keyHọ và tên/ *Full name:......................................................*Địa chỉ/ *Address: ..............................................................*Di động/ *Mobile:...............................................................*Email:......................................................................................Ngày sinh/ *Birth day:........................................................*Quốc tịch*/ Nationality:....................................................*CMND/ Hộ chiếu/ *ID/ Passport No:..............................*Ngày cấp*/ Issued date:....................................................*Nơi cấp*/ Place:...................................................................*Chức vụ/ *Position:............................................................*Giới tính/ *Gender:* 🗖 Nam/ *Male* 🗖 Nữ/ *Female* |
| **Chữ ký/ Signature** | **Chữ ký/ Signature** |

**(II) BẢNG THIẾT LẬP HẠN MỨC, PHÂN QUYỀN CHO CẤP PHÊ DUYỆT/ *TABLE OF TRANSACTION LIMIT AND AUTHORIZATION SETUP***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dịch vụ chuyển tiền*****Fund transfer*** | **Hạn mức tối đa*/ Maximum limit*** | **Số người phê duyệt*****/Number of authorizers*** | **Duyệt theo thứ tự (\*\*\*)/ *Sequence (\*\*\**** | **Mã nhóm/ *Authorization group*** |
| **Số tiền/ *Amount*** | **Loại tiền****/*CCY*** |
| Tất cả/ *All* |  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
| Nội bộ */ VIB Internal* |  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
| Nội địa/ *Local* |  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
| Quốc tế/ *International* |  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
| Tiền gửi trực tuyến /*Term deposit Online* |  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
| Tất toán tiền gửi trực tuyến */ Close term deposit Online* |  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |
|  |  |  | **🗖** |  |

*("Hạn mức tối đa" để trống: sẽ được mặc định là số dư khả dụng của tài khoản/ If "maximum limit" put blank:,an outstanding balance will be set default)*

**(III) CÁC DỊCH VỤ CUNG CẤP CHO NGƯỜI XEM, NGƯỜI NHẬP, NGƯỜI KIỂM TRA*/ TABLE OF TRANSACTION LIMIT AND AUTHORIZATION SETUP***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Dịch vụ/ Service** | **Người Xem****/ VIEWER** | **Người Nhập****/ INPUTER** | **Người Kiểm Tra****/ VERIFIER** |
| **🗖** | Truy vấn tài khoản*/Enquiry*🗖 Tất cả/ *all*Hoặc Số TK/ *Acct No:*............................................................................................................................................................................................................................................................................ | ................................................................................................................................................ | ................................................................................................................................................ | ................................................................................................................................................ |
| **🗖** | Truy vấn khoản vay/ *Loan enquiry* | ........................................................................ | ........................................................................ | ........................................................................ |
| **🗖** | Truy vấn hợp đồng tiền gửi/ *Term deposit enquiry* | ........................................................................ | ........................................................................ | ........................................................................ |
| **🗖** | Truy vấn tài trợ thương mại/ *Trade finance enquiry* | ........................................................................ | ........................................................................ | ........................................................................ |

*("Người XEM/ Người NHẬP/ Người KIỂM TRA": điền tên đăng nhập được phép sử dụng các dịch vụ/ "Viewer/Inputer/Verifier": fill in with delegated usernames)*

 **Ghi chú:**

1. Người NHẬP, người XEM, người KIỂM TRA điền mục (III), không cần phải điền mục (II)

*Viewer, inputer and verifier fill in only Section (III)*

2. Nhóm phê duyệt (\*\*): Nếu chọn vai trò người DUYỆT thì phải chọn Nhóm phê duyệt

*Authorization group (\*\*): if the role is authorizer, authorization group must be filled*

3. Duyệt theo thứ tự (\*\*\*) : Lựa chọn tích (nếu Duyệt theo thứ tự), bỏ trống (nếu Duyệt không theo thứ tự)/ *Sequence (\*\*\*) : √ (if chosen), otherwise put blank)*

4. "Hạn mức tối đa" để trống: sẽ được mặc định là số dư khả dụng của tài khoản

*If "Transaction limit" put blank:,an outstanding balance will be set default*

5. Nếu đăng ký nhiều người sử dụng hơn, vui lòng đính kèm Bảng danh sách người sử dụng

*For more users , kindly attach the user list*

6. Đơn đăng ký này được kèm theo Bảng tham chiếu nhóm phân quyền

*Authorization group reference attached with this form*

7. Không hạn chế số lượng người sử dụng trong Internet banking

 *No limit number for users*

8. Đối với 1 giao dịch được thực hiện: Doanh nghiệp được phép chỉ định tối đa 5 người sử dụng, Trong đó: 1 người nhập, 1 người kiểm tra, 3 người phê duyệt

*Maximum 5 users per one transaction are allowed, including: 1 inputer, 1 verifier,3 authorizers)*

9. Người KIỂM TRA, Người DUYỆT bắt buộc phải sử dụng thiết bị bảo mật, người NHẬP không bắt buộc

*Token key is compulsorily used by verifier and authorizer*

10. Hạn mức tối đa chọn bằng 0, Nghĩa là tài khoản đó không thực hiện được giao dịch

*If daily limit is set 0, the account will be implied 'NOT IN USED'*

|  |
| --- |
| **XÁC NHẬN** |

1. Chúng tôi muốn được cung cấp các dịch vụ đã đăng ký trong mẫu đơn này và bằng đơn này xin xác nhận việc sử dụng các dịch vụ nêu trên sẽ tuân theo nội dung trong thỏa thuận hợp đồng cung cấp dịch vụ mà VIB cung cấp

*We would like to receive the service registered in this form and confirm about the use of the service will be stricly complied with the agreement for Internet Banking for Corporate customers.*

2. Chúng tôi xác nhận thông tin cung cấp trong mẫu đơn này là chính xác và đầy đủ.

*All information provided above is true and complete and not misleading.*

3. Chúng tôi xác nhận rằng chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm về mọi giao dịch thực hiện thông qua các dịch vụ mà chúng tôi được cung cấp bởi Ngân hàng Quốc tế.

*We confirm that we will take charge of all transactions executed via Internet Banking provided by VIB.*

4. Chúng tôi xin xác nhận rằng nếu địa chỉ email nêu trên không đúng thì Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc Doanh nghiệp không nhận được các email từ Ngân hàng

*We confirm that if any registered email is not correct, VIB is NOT responsible for not receiving information via email by customers*

5. Chúng tôi xin xác nhận rằng các giao dịch bằng ngoại tệ cũng sẽ được tính vào hạn mức giao dịch hằng ngày của Doanh nghiệp (người sử dụng) bằng đồng Việt Nam tương đương theo tỷ giá ngoại hối của Ngân hàng tại thời điểm giao dịch được Ngân hàng xử lý.

*We confirm that all transactions executed in other currencies (rather than VND) will be calculated from daily limit of customer's VND account with equivalent amount exchanged at VIB rates at the moment transactions are settled by VIB.*

|  |  |
| --- | --- |
| ……, Ngày ……, tháng, ……., năm*……, dd ……, mm, …….,yy***ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP*****FOR AND ON BEHALF OF THE CUSTOMER*** | **PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG****BỘ PHẬN TIẾP NHẬN YÊU CẦU*****FOR BANK USE ONLY*** |
|  | Ngày tiếp nhận:….../…..../……….*Registration Date:….../…..../………* |
| (Ghi rõ họ tên và đóng dấu) *(Full name and stamp)* | Cán bộ tiếp nhận/*Officer* | Kiểm soát/ *Authorizer* |

1. Là tên đăng nhập tương ứng với vai trò của người lập lệnh trong DN*/ is user ID of corporate* ‘s *inputer role.* Đối với giao dịch tài chính, người lập lệnh phải là Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán*/Regarding a financial transaction, an inputer shall be a chief accountant/an acting chief accountant.* [↑](#footnote-ref-1)
2. Yêu cầu khách hàng phải đăng ký tối thiểu 2 người dùng: người dùng vai trò nhập, người dùng vai trò duyệt/ *There are minimum 2 registered users: one inputer, one authorizer.* Đối với giao dịch tài chính, người lập lệnh phải là Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán*/Regarding a financial transaction, an inputer shall be a chief accountant/an acting chief accountant.* [↑](#footnote-ref-2)